

BÁO CÁO

Công tác bảo vệ môi trường năm 2025

THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở sản xuất: **Nhà máy nước Cần Thơ 1** trực thuộc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ.
- Địa chỉ: Số 298, đường 30/4, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
- Điện thoại: 02923 810 188.
- Người đại diện: **Ông Nguyễn Tùng Nguyên**.
- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác, xử lý nước phục vụ cấp nước sinh hoạt; Quy mô/Công suất: 78.000 m³/ngày đêm. Tần suất hoạt động: thường xuyên.
- Giấy phép đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 13, ngày 06 tháng 8 năm 2025. Mã số thuế: 1800155244.
- Giấy phép môi trường số: 17/GPMT-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2025 cơ quan cấp là Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ.
- Khối lượng sản phẩm: 63.146 m³/ngày đêm (năm 2024);
58.855 m³/ngày đêm (năm 2025).
- Điện tiêu thụ: (4,75 triệu kw năm 2024) (4,47 triệu kw năm 2025).
- Hoá chất tiêu thụ: PAC (170.877 kg năm 2024) (154.488 kg năm 2025);
Clo (44.436 kg năm 2024) (45.088 kg năm 2025).

Kết quả hoạt động các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải

1.1. Xử lý nước thải

- Liệt kê các công trình xử lý nước thải: 01 bể tự hoại 03 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt, 01 hệ thống xử lý nước thải sản xuất.
- Tổng lượng nước thải sinh hoạt: 547,5 m³ (1,5 m³/ngày đêm) năm 2024;
547,5 m³ (1,5 m³/ngày đêm) năm 2025.
Lưu lượng theo thiết kế được phê duyệt: 1,8 m³/ngày đêm.
- Tổng lưu lượng nước thải công nghiệp: 109,5 nghìn m³ (300 m³/ngày đêm) năm 2024;
109,5 nghìn m³ (300 m³/ngày đêm) năm 2025.
Lưu lượng theo thiết kế được phê duyệt: 300 m³/ngày đêm.



1.2. Kết quả quan trắc nước thải

1.2.1. Quan trắc định kỳ nước thải sinh hoạt

- Thời gian quan trắc: 04/6/2024 – 02/12/2025
- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.
- Vị trí các điểm quan trắc: Tại cống xả thải sau hệ thống xử lý nước thải.
- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 01 mẫu.
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: Cột A, QCVN 14:2008/BTNMT.
- Đơn vị thực hiện quan trắc: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Cần Thơ (VIMCERTS 131).
- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn: *Không có.*

1.2.2. Quan trắc định kỳ nước thải công nghiệp

- Thời gian quan trắc: 04/6/2024 – 02/12/2025
- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.
- Vị trí các điểm quan trắc: Tại cống xả thải sau hệ thống xử lý nước thải.
- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 02 mẫu.
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: Cột A, QCVN 40:2021/BTNMT $K_q=1,2$; $K_f=1,1$.
- Đơn vị thực hiện quan trắc: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Cần Thơ (VIMCERTS 131).
- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn: *Không có.*

1.2.3. Quan trắc nước thải liên tục, tự động (*không có*)

- Số lượng trạm, các thông số quan trắc nước thải tự động, liên tục và kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, kiểm soát chất lượng hệ thống theo quy định.
- Đánh giá hoạt động của hệ thống quan trắc nước thải liên tục, tự động theo quy định về kỹ thuật quan trắc (trong đó có đánh giá tình trạng hoạt động của trạm: các sự cố đối với hệ thống quan trắc tự động, nguyên nhân, cách khắc phục; các khoản thời gian hệ thống quan trắc tự động dừng hoạt động; ...).
- Nhận xét kết quả quan trắc: tính toán giá trị quan trắc trung bình 1 giờ (đối với các thông số có tần suất dữ liệu nhận được nhỏ hơn 1 giờ); so sánh giá trị quan trắc trung bình 1 giờ và 24 giờ so với QCVN (đối với các thông số có trong QCVN); thống kê các ngày có giá trị quan trắc trung bình 1 giờ và 24 giờ vượt quá giới hạn của QCVN; trong những ngày số liệu quan trắc cao bất thường cần có lý giải; thống kê số giá trị quan trắc trung bình 1 giờ và 24 giờ vượt QCVN (thống kê theo từng thông số).

2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải (*không có*)

2.1. Xử lý khí thải

- Liệt kê các công trình xử lý khí thải, bao gồm cả các thay đổi so với kỳ báo cáo trước, nếu có.
- Lưu lượng khí thải phát sinh theo giờ, tổng lưu lượng phát sinh theo năm của từng dòng thải phát sinh trong năm báo cáo và năm báo cáo gần nhất (đơn vị: m^3).



2.2. Kết quả quan trắc khí thải

(Mô tả các thông tin tương tự như đối với quan trắc nước thải).

3. Về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường

Thông kê chất thải phát sinh theo năm và số liệu trung bình phát sinh theo ngày (Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường thì phân biệt rõ đối với từng cơ sở).

a) Thông kê CTRSH

TT	CTRSH	Khối lượng (tấn)/năm	Khối lượng (tấn)/ngày	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm gần nhất (tấn)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Rác sinh hoạt	0,475	0,0013	Công ty TNHH xây dựng Đỗ Duy	0,475
2					
.....					
	Tổng cộng				

b) Thông kê CTRCNTT (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và không thường xuyên)

TT	Nhóm CTRCNTT	Khối lượng (kg)/ngày	Khối lượng (kg)/năm	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT	Khối lượng năm gần nhất (kg)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu cho quá trình sản xuất (tại cơ sở)				
2	Tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu, nhiên liệu cho ngành sản xuất khác (chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT)	2,79	1.019	Nhà máy xử lý nước thải	1.019
3	Chất thải phải xử lý				

b1) Đối với cơ sở sản xuất có sử dụng CTRCNTT để tái sử dụng, tái chế, làm nguyên liệu sản xuất

TT	Tổ chức, cá nhân chuyển giao CTRCNTT	Khối lượng (kg)/ngày	Khối lượng (kg)/năm	Chủng loại chất thải	Khối lượng năm gần nhất (kg)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)



1				Hạt nix, tro bay, tro đáy, giấy, nhựa....	
2					

b2) Thống kê các loại CTRCNTT khác phải xử lý (nếu có)

TT	Nhóm CTRCNTT khác	Khối lượng (kg)/ngày	Khối lượng (kg)/năm	Phương thức tự xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT	Khối lượng năm gần nhất (kg)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1						
2						
3						

4. Về quản lý chất thải nguy hại

Thống kê CTNH (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và không thường xuyên)

Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg)/ngày	Khối lượng (kg)/năm	Phương pháp xử lý ⁽ⁱ⁾	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm gần nhất (kg)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Giẻ lau	18 02 01	0,014	05	TĐ	Công ty TNHH-SX-TM-DV Môi trường Việt Xanh	05
Bóng đèn	16 01 06	0,011	04	PT,HR		04
Pin	19 06 01	0,0027	01	PD		01
Tổng khối lượng		0,027	10			10

⁽ⁱ⁾ Ghi ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); TR (Tẩy rửa); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

a) Thống kê các CTNH được xuất khẩu (nếu có):

Tên chất thải	Mã CTNH	Mã Basel	Khối lượng (kg)	Đơn vị vận chuyển xuyên biên giới	Đơn vị xử lý ở nước ngoài
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				(tên, địa chỉ)	(tên, địa chỉ)
Tổng khối lượng					

b) Thống kê các CTNH được tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở (nếu có)

Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng	Phương thức tự tái
---------------	---------	------------	--------------------



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ

2A Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

(0292) 382 1711 - 381 0188

ctncanthon@gmail.com

www.ctn-canthon.com.vn

		(kg)/năm	sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH
Tổng khối lượng			

- Kế hoạch quản lý CTNH trong kỳ báo cáo tới (trừ trường hợp chủ nguồn thải có thời gian hoạt động dưới 01 năm).

5. Về quản lý chất thải y tế (chỉ áp dụng đối với các cơ sở y tế)

5.1. Thống kê chất thải y tế phát sinh và được xử lý tại cơ sở y tế trong kỳ báo cáo

(Trường hợp có các cơ sở trực thuộc, thì ngoài thống kê chất thải y tế của cơ sở, cần thống kê lần lượt đối với từng cơ sở y tế trực thuộc theo bảng dưới đây).

TT	Loại chất thải y tế	Mã chất thải nguy hại	Đơn vị tính	Khối lượng chất thải phát sinh	Khối lượng chất thải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	Xử lý chất thải y tế			
						Chuyển giao cho đơn vị khác xử lý		Tự xử lý tại cơ sở y tế	
						Khối lượng	Tên đơn vị chuyển giao	Số lượng	Hình thức/ Phương pháp xử lý(*)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	Tổng lượng chất thải y tế nguy hại		kg/năm						
	Tổng lượng chất thải lây nhiễm:		kg/năm						
1.1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn		kg/năm						
1.2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn		kg/năm						
1.3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao		kg/năm						
1.4	Chất thải giải phẫu		kg/năm						
2	Tổng lượng chất thải nguy hại không lây nhiễm, gồm:		kg/năm						
2.1	Hóa chất thải bỏ bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng		kg/năm						



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ

9 2A Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

5



(0292) 382 1711 - 381 0188



ctncan tho@gmail.com



www.ctn-can tho.com.vn

2.2	Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	kg/năm							
2.3	Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hoá chất, các dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	kg/năm							
2.4	Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân, cadimi	kg/năm							
2.5	Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng lỏng	kg/năm							
2.6	Tổng lượng chất thải nguy hại khác	kg/năm							
II	Tổng lượng chất thải rắn thông thường	kg/năm							
III	Tổng lưu lượng nước thải	m ³ /năm							
4.1	Nước thải y tế	m ³ /năm							
4.2	Nước thải sinh hoạt	m ³ /năm							

Ghi chú:

(*) Hình thức/phương pháp tự xử lý chất thải y tế tại cơ sở y tế:

- Chất thải y tế nguy hại: KĐ (hấp uớt, vi sóng), C (Chôn lấp), LĐ (lò đốt 2 buồng), TC (đốt 1 buồng hoặc đốt thủ công), K (phương pháp khác).

- Trường hợp một loại chất thải có áp dụng đồng thời trong kỳ báo cáo cả việc thuê xử lý và tự xử lý thì cần ghi rõ hình thức và phương pháp xử lý cho từng trường hợp cụ thể.

- Nước thải: HTXLNT (xử lý qua hệ thống xử lý nước thải), KT (Không xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải, chỉ khử trùng nước thải trước khi xả ra môi trường), KXL (Không xử lý, thải thẳng ra môi trường).

5.2. Thống kê khối lượng chất thải nhựa trong năm

TT	Loại chất thải nhựa	Khối lượng	Khối lượng	Tên đơn vị nhận
----	---------------------	------------	------------	-----------------



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ

92A Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

(0292) 382 1711 - 381 0188

ctncanthon@gmail.com

www.ctn-canthon.com.vn

		phát sinh (kg/năm)	chuyển giao để tái chế (kg/năm)	chuyển giao để tái chế
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Chất thải lây nhiễm			
2	Chất thải nguy hại không lây nhiễm			
3	Chất thải rắn thông thường:			
-	Chất thải rắn thông thường từ sinh hoạt thường ngày			
-	Chất thải rắn thông thường từ hoạt động chuyên môn y tế			
	Tổng cộng(1+2+3)			

6. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường

6.2. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường, tập trung làm rõ các nội dung chính như sau

Nhằm giảm thiểu ô nhiễm đối với nước thải phát sinh tại Nhà máy nước Cần Thơ 1, Công ty Cổ phần cấp thoát nước Cần Thơ có những phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường như sau:

- Khu vực phát sinh nước thải được thiết kế, lắp đặt cống thu gom riêng biệt, dẫn về công trình xử lý nước thải, nhằm đảm bảo thu gom lượng nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Nhà máy.

- Phân công công nhân trực vận hành công trình xử lý nước thải, bất kỳ có biểu hiện bất thường nào của công trình xử lý nước thải đều được phát hiện, khắc phục kịp thời.

- Khi có sự cố môi trường xảy ra nhà máy bố trí người phụ trách để đảm bảo an toàn cho người và tài sản, kịp thời thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước nhanh nhất.

- Trong quá trình hoạt động của nhà máy định kỳ tiến hành lấy mẫu kiểm tra chất lượng nguồn nước thải sau xử lý tại Nhà máy nước Cần Thơ 1 để kiểm soát, ngăn ngừa các chỉ tiêu ô nhiễm bị vượt và báo cáo về cơ quan quản lý Nhà nước.

7. Về báo cáo quản lý các chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy

7.1. Thông tin về chủng loại và khối lượng chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm đang được sản xuất, sử dụng

STT	Tên chất ô nhiễm khó phân hủy (bao gồm các chất)	Mã CAS	Thời điểm nhập khẩu	Khối lượng nhập khẩu	Nồng độ chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên	Khối lượng đã sử dụng	Khối lượng còn lưu giữ tại kho	Kết quả đánh giá sự phù hợp
-----	--	--------	---------------------	----------------------	---	-----------------------	--------------------------------	-----------------------------



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ

2A Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

(0292) 382 1711 - 381 0188

ctncantho@gmail.com

www.ctn-cantho.com.vn

	POP) và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm				liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa thiết bị chứa chất ô nhiễm (nếu biết)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1								
2								

7.2. Ước tính chất ô nhiễm phát thải vào môi trường tại cơ sở

STT	Tên chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị chứa chất ô nhiễm khó phân hủy	Tổng khối lượng phát thải (kg/năm)	Phương pháp tính toán/ước tính (Quan trắc, tính toán, ước tính)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Phát thải vào môi trường nước		
2	Phát thải vào môi trường không khí		
3	Phát thải vào môi trường đất		
4	Chuyển giao vào bùn thải hệ thống xử lý nước thải		
5	Chuyển giao vào chất thải rắn nguy hại		
5.1	Trong cơ sở		
5.2	Cơ sở tái chế		
5.3	Thải bỏ		

8. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có)

Phần 2. Tình hình thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH, CTCRNTT, CTNH (Phần này chỉ áp dụng đối với chủ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH, CTCRNTT, CTNH)

1. Đối với chủ thu gom, vận chuyển CTRSH, CTCRNTT

A. Tình hình chung về hoạt động thu gom, vận chuyển CTRSH:

- Khối lượng CTRSH được thu gom và vận chuyển (tấn/năm):
- Thông tin về các tổ chức phát sinh chuyển giao CTRSH:

TT	Tên các tổ chức	Khối lượng (tấn/năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ

2A Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

(0292) 382 1711 - 381 0188

ctncanθο@gmail.com

www.ctn-canθο.com.vn

1			
2			
	Tổng khối lượng		

- Thông tin về các chủ cơ sở xử lý CTRSH tiếp nhận để xử lý CTRSH do đơn vị trực tiếp thu gom, vận chuyển:

TT	Tên chủ cơ sở xử lý CTRSH	Khối lượng (tấn/năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1			
2			
	Tổng khối lượng		

B. Đối với CTCNTT

- Khối lượng CTCNTT được thu gom và vận chuyển (kg/năm):.....

- Thông tin về các tổ chức phát sinh chuyển giao CTCNTT:.....

TT	Tên các tổ chức	Khối lượng (kg/năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1			
2			
	Tổng khối lượng		

- Thông tin về các chủ cơ sở sản xuất tiếp nhận tái sử dụng, tái chế CTCNTT hoặc sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu sản xuất:

TT	Tên chủ cơ sở sử dụng CTCNTT làm nguyên liệu sản xuất	Khối lượng (kg/năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1			
2			
	Tổng khối lượng		

- Thông tin về các chủ cơ sở xử lý CTCNTT tiếp nhận để xử lý CTCNTT do đơn vị trực tiếp thu gom, vận chuyển:

TT	Tên chủ cơ sở xử lý CTCNTT	Khối lượng (kg/năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1			
2			



	Tổng khối lượng		

2. Đối với chủ xử lý

2.1 Thống kê chất thải được xử lý

A. Đối với CTRSH

- Thống kê về khối lượng CTRSH được xử lý:

Tên chất thải	Khối lượng (tấn)	Phương pháp xử lý	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
			(nêu cơ sở xử lý tương ứng trong trường hợp có nhiều hơn một cơ sở; hoặc xuất khẩu, tái sử dụng...; hoặc chưa xử lý)
Tổng cộng			

- Thông tin về các chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển CTRSH:

TT	Tên chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển	Khối lượng (tấn)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1			
..	Tổng khối lượng		

B. Đối với CTCNTT

- Khối lượng CTCNTT được quản lý:

TT	Nhóm CTCNTT	Khối lượng (kg)	Phương pháp xử lý	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu cho quá trình sản xuất			Chuyển giao cho cơ sở sản xuất phù hợp
2	Sơ chế để làm nguyên liệu sản xuất hoặc đồng xử lý			Phân loại, sơ chế, tái chế, tái sử dụng, xử lý...
3	Phải xử lý.....			Chôn lấp, thiêu đốt

- Thông tin về các chủ nguồn thải CTCNTT mà đơn vị trực tiếp thu gom:

TT	Tên chủ nguồn thải	Khối lượng (kg)	Ghi chú
1			
	Tổng khối lượng		

- Thông tin về các chủ thu gom, vận chuyển chuyển giao CTCNTT (nếu có):



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ

2A Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

(0292) 382 1711 - 381 0188

ctncanthon@gmail.com

www.ctn-canthon.com.vn

TT	Tên các tổ chức	Khối lượng (kg)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1			
	Tổng khối lượng		

Kết quả giám sát vận hành xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý CTRCNTT và các vấn đề khác (Kiểm soát ô nhiễm và BVMT; phòng ngừa và ứng phó sự cố; an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe; đào tạo, tập huấn định kỳ).

C. Đối với CTNH

C1. Khối lượng CTNH vận chuyển và xử lý

Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg)	Phương pháp xử lý ⁽ⁱ⁾	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				(nêu cơ sở xử lý tương ứng trong trường hợp có nhiều hơn một cơ sở hoặc ghi chú khác như xuất khẩu, chưa xử lý...)
Tổng khối lượng				

C2. Khối lượng chất thải y tế nguy hại đã tiếp nhận, xử lý theo mô hình cụm cơ sở y tế (chỉ thực hiện đối với cơ sở y tế xử lý chất thải y tế cho cụm cơ sở y tế)

TT	Loại chất thải y tế	Khối lượng chất thải y tế nhận từ các cơ sở y tế trong cụm (kg/năm)	Phạm vi xử lý (ghi tên các cơ sở y tế trong cụm)
(1)	(2)	(3)	(4)
1			

⁽ⁱ⁾ Trừ trường hợp báo cáo của chủ vận chuyển CTNH, ghi ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

C3. Thông tin về các chủ nguồn thải chuyển giao CTNH

Tên chủ nguồn thải	Mã số QLCTNH/ số Giấy phép môi trường	Khối lượng (kg)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)



Tổng khối lượng			
-----------------	--	--	--

C4. Thông tin về các chủ xử lý CTNH khác chuyển giao CTNH

Tên chủ xử lý CTNH	Mã số QLCTNH hoặc số Giấy phép môi trường	Khối lượng (kg)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
Tổng khối lượng			

C5. Thông tin về các chủ xử lý CTNH hoặc chủ xử lý CTNH tiếp nhận CTNH để xử lý

Tên chủ xử lý CTNH	Mã số QLCTNH hoặc số Giấy phép môi trường	Khối lượng (kg)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
Tổng khối lượng			

2.2. Báo cáo giám sát vận hành xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý CTRSH, CTRCNTT, CTNH

2.3. Báo cáo kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố; an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe; đào tạo tập huấn định kỳ ...)

Phần 3. Tình hình quản lý phế liệu nhập khẩu (Phần này chỉ áp dụng đối với cơ sở có sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất)

1. Báo cáo về nhập khẩu, sử dụng phế liệu đã nhập khẩu trong năm

Lô hàng phế liệu nhập khẩu	Thời điểm nhập	Khối lượng phế liệu đã nhập khẩu (kg)	Cửa khẩu nhập khẩu	Số tiền ký quỹ phế liệu	Hoàn trả/sử dụng số tiền ký quỹ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1. Phế liệu...					
Lô 1					
Lô 2...					
Tổng cộng					
Đã sử dụng					
2. Phế liệu...					

2. Tình trạng kho, bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu: ngoài những nội dung báo cáo về thực trạng sử dụng, quản lý kho, bãi lưu giữ phế liệu, cần mô tả những nội dung thay đổi, điều chỉnh so với Giấy phép môi trường/Giấy phép môi trường thành phần đã được cấp.

3. Kết quả hoạt động sản xuất, tái chế phế liệu.



4. Chứng thư giám định các lô hàng đã thông quan đối với trường hợp được miễn kiểm tra (trừ các nội dung đã được báo cáo tại các mục riêng)

Phần 4. Tình hình triển khai công tác cải tạo và phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (Phần này chỉ áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động khai thác khoáng sản)

- Các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường đã thực hiện trong kỳ báo cáo.
- Các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường đã được xác nhận hoàn thành trong kỳ báo cáo.
- Số tiền ký quỹ trong kỳ báo cáo và tổng số tiền đã ký quỹ đến thời điểm báo cáo. / *Vml*

Nơi nhận:

- Sở NN&MT TPCT;
- UBND phường Ninh Kiều;
- Lưu: HC, Phòng QLCL&MT.



Huỳnh Thiện Đình



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ

9A Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

(0292) 382 1711 - 381 0188

ctncanθο@gmail.com

www.ctn-canθο.com.vn

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 302/BC-CTN ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở Nhà máy nước Cần Thơ 1 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1221/TTr-SNNMT ngày 14 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ, địa chỉ tại Số 2A, đường Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy nước Cần Thơ 1”, địa chỉ tại Số 298, đường 30 tháng 4, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở

1.1. Tên dự án đầu tư/cơ sở: Nhà máy nước Cần Thơ 1.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 298, đường 30 tháng 4, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 1800155244 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 6 năm 2004; đăng ký thay đổi lần 12 ngày 15 tháng 7 năm 2022 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

1.4. Mã số thuế: 1800155244.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác, xử lý nước phục vụ cấp nước sinh hoạt trong nhân dân.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Diện tích của cơ sở: Diện tích 27.457,1 m².

- Nhóm dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Cơ sở hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực (ngày 01/01/2022), thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Dự án đầu tư nhóm I, II hoặc III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP: Cơ sở đã được phê duyệt Bản cam kết môi trường số 01/PXN-UBND ngày 08/01/2009 của Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (nay là phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ).

- Công suất và quy trình công nghệ sản xuất của dây chuyền sản xuất được xem xét cấp phép tại Giấy phép môi trường này

+ Quy mô, công suất nhà máy: 78.000 m³/ngàyđêm.

+ Quy trình công nghệ sản xuất nước sạch: Nước mặt sông Cần Thơ → Trạm bơm cấp 1, trạm này có cụm 1, 2 và cụm 3, 4, với 02 quy trình cụ thể như sau:

. Cụm 1, 2 → Bể trộn, bể phản ứng, bể lắng Lamella, bể lọc → Bể nước sạch → Trạm bơm cấp 2 → Mạng phân phối.

. Cụm 3, 4 → Lọc tiếp xúc rửa ngược → Bể chứa nước sạch → Mạng phân phối.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này (nếu có).

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm (Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày ...26. tháng 8 năm 2032).

Điều 4. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Ninh Kiều tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. */s/*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ NN&MT;
- CT UBND thành phố;
- Cty CP Cấp thoát nước Cần Thơ;
- Công Thông tin điện tử TP;
- VP UBND TP (2H);
- Lưu: VT.vk

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



[Signature]
Trần Chí Hùng

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 17 /GPMT-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn 1: Nước thải sinh hoạt (nước thải từ nhà vệ sinh, rửa tay chân).
 Lưu lượng phát sinh tối đa 1,8 m³/ngàyđêm.

- Nguồn 2: Nước thải sản xuất (nước thải từ quá trình rửa lắng, lọc). Lưu
 lượng phát sinh tối đa 300 m³/ngàyđêm.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước
 thải, vị trí xả nước thải**

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

- Nước thải sinh hoạt => hầm tự hoại => hồ thu gom và xử lý nước thải sinh
 hoạt (Cột A, QCVN14:2008/BTNMT) => thải ra cống thoát nước đô thị.

- Nước thải sản xuất (nước thải từ quá trình rửa lọc và xả cặn bể lắng) =>
 Hệ thống xử lý nước thải => Nước thải sau ép bùn (Cột A, QCVN40:2021/BTNMT
 K_q=1,2; K_f=1,1) => 05 bể lắng bùn => thải ra sông Cần Thơ.

2.2. Vị trí xả thải

- Nước thải sinh hoạt: Hồ ga đầu nối nước thải với cống thoát nước đô thị
 đường 30/4 (Toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiều 3°, cụ thể:
 X=1108597; Y=584549).

- Nước thải sản xuất: Cửa xả sau công trình xử lý nước thải sản xuất tại vị
 trí bơm nước khi thải ra nguồn tiếp nhận là sông Cần Thơ (Toạ độ VN2000, kinh
 tuyến trực 105°, múi chiều 3°, cụ thể: X=1108547; Y=584708).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất

- Nước thải sinh hoạt: Lưu lượng phát sinh tối đa 1,8 m³/ngàyđêm.

- Nước thải sản xuất: Lưu lượng phát sinh tối đa 300 m³/ngàyđêm.

2.4. Phương thức xả nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Tự chảy.

- Nước thải sản xuất: Bơm điện.

2.5. Chế độ xả nước thải

- Nước thải sản xuất: 02 lần/ngày.

**2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả ra bên ngoài phải bảo đảm đáp ứng
 yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước
 thải**

- Nước thải sinh hoạt: Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN14:2008/BTNMT (Cột A, $C_{\max}$), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 14:2008/BTNMT, (Cột A, $C_{\max}$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng quan trắc, cơ sở đề xuất thực hiện quan trắc 06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục
2	Chất rắn lơ lửng	mg/l	60		
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	36		
4	Sunfua	mg/l	1,2		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	6		
6	Tổng nitơ	mg/l	36		
7	Tổng phospho (tính theo P)	mg/l	7,2		
8	Coliform	MPN/100ml	3.000		

- Nước thải sản xuất: Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A, $K_q=1,2$; $K_f=1,1$), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A; $K_q=1,2$; $K_f=1,1$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	mg/l	6-9	Cơ sở đề xuất thực hiện quan trắc 06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục
2	Chất rắn lơ lửng	mg/l	66		
3	BOD ₅ 20°C	mg/l	39,6		
4	COD	mg/l	99		
5	Amoni	mg/l	6,6		
6	Tổng Nitơ	mg/l	26,4		
7	Tổng Phospho	mg/l	5,28		
8	Coliform	MPN/100ml	3.000		
9	Sunfua	mg/l	KPH		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải => hầm tự hoại => hố thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt => thải ra cống thoát nước đô thị.

- Nước thải sản xuất: Nước thải => Hệ thống xử lý nước thải => Máy ép bùn => 05 bể lắng bùn => thải ra sông Cần Thơ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Nước thải sinh hoạt

- Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà vệ sinh được thu gom về hầm tự hoại bố trí ngầm (hiệu suất xử lý khoảng 70% BOD so với đầu vào), nước thải từ hầm tự hoại được dẫn bằng đường ống PVC Ø114 vào hố thu gom và xử lý, nước thải sinh hoạt sau xử lý chảy vào cống thoát nước đô thị đường 30/4.

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Bể tự hoại hình chữ nhật, kết cấu bê tông cốt thép không thấm và không phát sinh mùi, bố trí ngầm.

+ Kích thước bể: 4m x 5m x 2m, thể tích 40 m³. Dung tích bể tự hoại được thiết kế phù hợp với lượng nước thải sinh hoạt phát sinh.

+ Hố xử lý sau hầm tự hoại với kích thước 1,2 x 0,6 x 1,0 (vật liệu lọc gồm than được và sỏi).

1.2.2. Nước thải sản xuất

- Nước thải sản xuất → Hố thu bùn → Thiết bị trộn nước thải với PAC → Thiết bị hoà trộn nhanh sơ lắng → Máy ép bùn → Nước thải tuần hoàn vào hố thu bùn

Bảng: Thông số kỹ thuật công trình xử lý nước thải tại nhà máy

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật		Vật liệu
1	Hố thu bùn	Chiều dài xây dựng	22 m	BTCT
		Chiều rộng xây dựng	10 m	
		Chiều cao xây dựng	2,5 m	
2	Bể lắng bùn (05 bể)	Chiều dài xây dựng mỗi bể	27 - 20,6 - 20,45 m	BTCT
		Chiều rộng xây dựng mỗi bể	11,5 m	
		Chiều cao xây dựng mỗi bể	2,0 m	
3	Bể thu nước thải sau xử lý	Chiều dài xây dựng	20 m	BTCT
		Chiều rộng xây dựng	4,2 m	
		Chiều cao xây dựng	2 m	

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Xây dựng các biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải. Bố trí nhân sự vận hành và theo dõi thường xuyên hoạt động của hệ thống.

- Vận hành hệ thống theo quy trình hướng dẫn, tuân thủ đúng các yêu cầu thiết kế và vận hành hệ thống; kiểm tra, bảo trì các thiết bị, đường ống định kỳ.

- Nhân viên vận hành được tập huấn chương trình vận hành và bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, đồng thời đào tạo khả năng ứng phó sự cố tại chỗ.

- Thu mẫu quan trắc định kỳ kiểm tra chất lượng nước thải đầu ra theo quy định.

- Đảm bảo hoạt động liên tục, có đồng hồ đo lưu lượng và theo dõi vận hành hệ thống hàng ngày.

- Trường hợp gặp sự cố, có biện pháp bố trí bồn, bể lưu chứa nước thải tạm thời chờ khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi (nếu có): -

3.3. Trường hợp xả thải vào công trình thủy lợi nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước trong công trình thủy lợi, chủ dự án đầu tư, cơ sở phải báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng quản lý công trình thủy lợi.

3.4. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo (nếu có): -

3.5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác (nếu có): -

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 17 /GPMT-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Máy phát điện dự phòng.
2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt
2	70	55	-	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	Từ 6-18 giờ	Từ 18-6 giờ	-	Khu vực đặc biệt
	75	Mức nền		
2	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	-	Khu vực thông thường
	75	Mức nền		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Đảm bảo độ phẳng/độ cân bằng của nền và thiết bị từ quá trình lắp đặt; lắp các đệm cao su/lò xo chống rung để độ ồn, rung được giảm tối thiểu.
- Trước khi vận hành cần kiểm tra đầy đủ công tác an toàn, đồng thời cần tuân thủ nghiêm ngặt quy trình lắp đặt vận hành của nhà sản xuất.
- Công nhân làm việc được trang bị đầy đủ các phương tiện chống ồn (nút bịt tay, mũ, quần áo bảo hộ...).
- Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: -

2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: -

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 17 /GPMT-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:
 Tổng lượng chất thải nguy hại khoảng 10 kg/năm, danh mục gồm các chất sau:

Chủng loại	Mã CTNH	Tổng khối lượng (kg/năm)	Công trình lưu giữ	Công trình xử lý
Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	04	Kho chứa tại cơ sở (diện tích 28,8 m ²)	Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý (Hợp đồng số 380/2022D/HĐKT/VX-CTN3CS và Phụ lục HĐ 02 với Công ty TNHH SX - TM - DV Môi trường Việt Xanh)
Giẻ lau dính dầu, nhớt	18 02 01	05		
Pin dùng cho bộ điều khiển máy lạnh	19 06 01	01		
Tổng số lượng		10		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

- Bùn thải sau xử lý nước thải sản xuất đã được lấy mẫu phân tích có các thông số đạt theo QCVN50:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước, được phân định là chất thải rắn thông thường theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Khối lượng: 1.019 m³/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

- Chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu từ hoạt động văn phòng làm việc, gồm hộp xốp đựng thức ăn, giấy vụn, túi ni lông.

- Lượng phát sinh trung bình khoảng 43kg/tháng (1,3kg/ngày).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Chất thải nguy hại phát sinh tại nhà máy được phân loại tại nguồn, được lưu trữ khu vực riêng và có dán nhãn theo quy định.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà

- Công trình lưu giữ: Kho chứa tại cơ sở (diện tích 28,8 m²).

- Biện pháp thu gom, xử lý: Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý (Hợp đồng số 380/2022D/HĐKT/VX-CTN3CS và Phụ lục HĐ 02 với Công ty TNHH SX - TM - DV Môi trường Việt Xanh).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: -

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời

- Bùn sau khi được ép khô thì được vận chuyển về nơi tiếp nhận cuối cùng là Nhà máy xử lý nước thải Cái Sâu để san lấp mặt bằng. Vì diện tích nhà máy nước thải Cái Sâu rất lớn gần 24,9 ha, với lượng bùn thải ra 85 m³/tháng thì đến 15-20 năm sau mới đầy. Công ty sẽ tiếp các phương án tiếp theo.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Nhà máy có bố trí các thùng rác và chất thải rắn sinh hoạt được chứa trong thùng rác đặt đúng nơi quy định và thu gom định kỳ với Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ; đồng thời gửi chứng từ thanh toán hàng quý.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải

3.1. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải nguy hại: -

3.2. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt: -

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện và cung cấp nội dung kế hoạch ứng phó sự cố môi trường cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 108, Điều 109 và Điều 110 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Chủ dự án thực hiện một số nội dung sau:

Nhằm giảm thiểu ô nhiễm đối với nước thải phát sinh tại Nhà máy nước Cần Thơ 1, nên Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ có những phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường như sau:

* Nước mặt khai thác sử dụng (nước sông Cần Thơ)

- Nhà máy thường xuyên kiểm tra, theo dõi chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác, sử dụng.

- Bảo vệ nguồn nước mặt khai thác, theo dõi, giám sát các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước.

- Kịp thời ngăn chặn, đồng thời báo cáo ngay đến chính quyền địa phương nơi gần nhất để xử lý các trường hợp phát hiện hành vi gây ô nhiễm hoặc có nguy cơ gây ô nhiễm, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác nước của công trình và

các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên nước khác trong phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước của công trình khai thác.

- Tuân thủ các quy định về hành lang bảo vệ nguồn nước trong phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước.

*** Nước thải sản xuất**

- Khu vực phát sinh nước thải được thiết kế, lắp đặt hệ thống thu gom riêng biệt, dẫn về công trình xử lý nước thải, nhằm đảm bảo thu gom lượng nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Nhà máy.

- Phân công công nhân trực vận hành công trình xử lý nước thải, bất kỳ có biểu hiện bất thường nào của công trình xử lý nước thải đều được phát hiện, khắc phục kịp thời.

- Khi có sự cố môi trường bất ngờ xảy ra nhà máy có bố trí người phụ trách để đảm bảo an toàn cho người và tài sản, tổ chức cứu người, tài sản và kịp thời thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước nhanh nhất.

- Trong quá trình hoạt động của nhà máy định kỳ tiến hành lấy mẫu phân tích/kiểm tra chất lượng nguồn nước (nước thải sau xử lý) tại Nhà máy nước Cần Thơ 1 để kiểm soát, ngăn ngừa các chỉ tiêu ô nhiễm bị vượt và báo cáo về cơ quan quản lý Nhà nước.

*** Sự cố cháy nổ, chập điện**

- Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây tia lửa được bố trí an toàn trong hộp cách điện để hạn chế việc rò rỉ điện.

- Kiểm tra thường xuyên tình trạng hoạt động của các máy móc, vị trí kết nối giữa nguồn điện và thiết bị để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Thường xuyên định kỳ kiểm tra các mối nối, xiết chặt các chỗ đường dây nối vào thiết bị đóng cắt. Trên tủ điện chung nên có đặt rơ le bảo vệ điện áp thấp, dụng cụ đo Volt hay bóng đèn chỉ thị, để vận hành viên theo dõi. Các động cơ cần đặt rơ le nhiệt bảo vệ quá dòng và bảo vệ mất cân bằng dòng 3 pha.

- Sử dụng vật liệu cách điện tốt, lắp đặt các rơ le bảo vệ quá tải nhằm tránh hiện tượng điện quá tải kéo dài, giữ gìn môi trường khô ráo, sạch sẽ không hóa chất, không ẩm. Các thiết bị điện và dây cáp là loại chịu được môi trường khắc nghiệt. Dây cáp điện được chôn ngầm dưới đất và lót cáp tại đoạn chôn ngầm và được bảo vệ cơ học.

- Các đường dây không lắp đặt trực tiếp lên sườn sắt của nhà xưởng và tránh các thiết bị có rung động thường xuyên.

- Lắp đặt thiết bị bảo vệ ngắn mạch như áp tô mát, cầu chì, hoặc rơ le quá dòng tốc độ cao.

*** Các phương án phòng chống cháy nổ**

Nhà máy đã lắp đặt hệ thống đường ống cấp nước, vòi chữa cháy dọc nhà xưởng để cung cấp cho hoạt động PCCC và trang bị các phương tiện PCCC: như bình bột, xẻng xút cát, thùng đựng cát để phục vụ cho công tác PCCC. Ngoài các biện pháp kỹ thuật, Công ty còn lập kế hoạch ngăn ngừa và thành lập đội PCCC và cứu nạn cứu hộ tại chỗ từ đội ngũ các công nhân viên trong nhà máy. Kế hoạch

ngăn ngừa và ứng phó cháy nổ sẽ được thực hiện song song với việc phòng ngừa sự cố rò rỉ điện, cụ thể như sau:

- Các hạng mục công trình của nhà máy được thiết kế hệ thống PCCC về mặt kiến trúc, công trình đã bố trí các hạng mục kỹ thuật báo cháy tự động, cấp nước chữa cháy, chống sét theo đúng yêu cầu và quy định của các cơ quan quản lý chức năng.

- Trong khu vực sản xuất, kho chứa nguyên liệu, sản phẩm được lắp đặt hệ thống báo cháy. Các phương tiện phòng chống cháy luôn được kiểm tra thường xuyên và luôn ở trong tình trạng sẵn sàng.

- Các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất của công ty sẽ có hồ sơ lý lịch đi kèm (nguồn gốc, các thông số kỹ thuật) và thường xuyên được kiểm tra giám sát tình trạng hoạt động các thiết bị này.

- Bố trí các sơ đồ thoát hiểm tại khu vực dễ quan sát.

- Hệ thống chống sét được lắp đặt tại nhà máy được thiết kế theo TCVN 9385: 2012. Để đảm bảo an toàn và hiệu quả, nhà máy lắp đặt hệ thống chống sét đánh thẳng, sử dụng 01 kim thu sét loại chủ động, bán kính bảo vệ của đầu kim $R_p=175m$, đế đỡ kim thu sét dài 5m bằng ống sét tráng kẽm nối với kim.

- Số lượng các thiết bị PCCC đã trang bị được tính toán và lắp đặt dựa trên diện tích nhà máy, đặc trưng của quá trình sản xuất và khối lượng chất cháy nổ lưu trữ thường xuyên tại nhà máy theo phương án PCCC đã được phê duyệt.

- Thường xuyên tuyên truyền, nâng cao ý thức phòng cháy chữa cháy cho cán bộ công nhân viên bằng cách dán băng rôn, băng hiệu đề phòng sự cố cháy. Huấn luyện cho toàn thể cán bộ công nhân viên các biện pháp phòng cháy chữa cháy khi có sự cố xảy ra.

- Sắp xếp cách bố trí máy móc thiết bị đảm bảo trật tự, gọn gàng và có khoảng cách an toàn cho công nhân làm việc khi có sự cố xảy ra.

- Hết giờ làm việc trước khi ra về cán bộ, công nhân viên chức luôn có ý thức và trách nhiệm tắt hết các đèn, quạt và kiểm tra tình trạng an toàn phòng cháy, chữa cháy khu vực làm việc.

- Tổ chức phương án PCCC cho cán bộ người lao động Công ty hàng năm.

- Ban hành các nội quy an toàn và phổ biến công khai trong khuôn viên nhà máy, cấm tuyệt đối hút thuốc tại các phân xưởng, nhà kho, bố trí các sơ đồ thoát hiểm trong khuôn viên nhà máy ở nơi dễ nhìn thấy.

- Kiểm tra thường xuyên tình trạng hoạt động của các phương tiện PCCC (hệ thống ống dẫn nước, bơm nước, bể nước, các bình chữa cháy cầm tay...) định kỳ hàng tháng.

* Quy trình ứng phó sự cố

- Hằng năm, cơ sở cử cán bộ phụ trách an toàn và những người lao động trực tiếp làm việc với hóa chất tham gia các khóa đào tạo an toàn môi trường hóa chất, các khóa đào tạo công tác phòng cháy chữa cháy của Công an Phòng cháy chữa cháy và tập huấn an toàn lao động.

- Những nhân viên không trực tiếp làm việc với hóa chất cũng sẽ được Cơ sở phổ biến các biện pháp xử lý và ứng phó với sự cố nếu gặp phải tình huống bất ngờ. Định kỳ thực tập phương án PCCC và khi có yêu cầu của đơn vị chức năng.

* Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn đổ, rò rỉ hoá chất:

Nhà máy có sử dụng PAC (keo tụ), Chlorine (khử trùng). Để phòng ngừa và giảm thiểu các sự cố môi trường liên quan đến kho chứa hóa chất, nhà máy đã có phương án cụ thể như sau:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động phù hợp với tính chất công việc khi tiếp xúc, sử dụng hoá chất tại các phòng kiểm nghiệm.

- Lưu trữ, bảo quản an toàn hoá chất ở khu vực quy định, cách xa khu vực văn phòng làm việc.

- Nhà máy xây dựng kho chứa hoá chất đúng theo quy định, có biển cảnh báo, có danh mục các hoá chất dán trước kho, hoá chất được bố trí lên các pallet, có bình chữa cháy, thùng cát, xẻng đặt tại kho chứa, có gờ ngăn chống tràn trước cửa, phân loại hoá chất theo 2 dạng lỏng, rắn trong kho.

- Các vật dụng dễ cháy nổ được đặt cách ly khu vực lưu trữ hoá chất.

- Thực hiện đúng các quy định về sử dụng, bảo quản hóa chất và các yêu cầu khi làm việc, tiếp xúc với hóa chất theo quy định tại QCVN 05A:2020/BCT-An toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.

* Hệ thống cảm biến clo rò rỉ và tháp trung hòa xử lý

Khi có sự cố rò rỉ Clo, toàn bộ quạt thông gió của nhà Clo sẽ ngừng chạy. Clo nặng hơn không khí do vậy hơi Clo rò rỉ sẽ ở sát mặt đất. Hơi Clo rò rỉ phát tán sẽ được hút nhanh bằng quạt hút hơi Clo của hệ thống trung hòa công suất từ 3.000 m³/h đến 4.000 m³/h qua tháp trung hòa. Tháp trung hòa Clo được thiết kế tháp đơn để đảm bảo độ an toàn và hiệu quả của quy trình.

Tháp trung hòa được tính toán và thiết kế đặc thù cho việc trung hòa Clo, trong tháp có lắp đặt hệ thống phân phối đều hóa chất và lắp đặt vật liệu tiếp xúc (với độ rỗng, kích thước và chiều cao thích hợp) để tăng bề mặt tiếp xúc, khả năng trung hòa Clo một cách triệt để.

Trong tháp trung hòa hơi Clo được trung hòa bằng dung dịch xút (NaOH 20%/ Độ pH 7 - 11) được bơm từ bơm hóa chất, sẽ tạo thành dung dịch muối (NaCl) và không khí được làm trong sạch trở lại với hiệu quả 98 - 99%, sau đó được đưa thẳng lên trời qua ống thông khí.

* Trình tự hoạt động của hệ thống hoàn toàn tự động và diễn ra như sau

Sensor báo clo rò rỉ ghi nhận nước clo rò rỉ cao thông thường từ 0.5- 1 ppm. Tín hiệu sẽ được gửi về tủ điều khiển.

- Tủ điện điều khiển, quạt hút clo rò rỉ và bơm hóa chất trung hòa NaOH 20% sẽ được đặt lên chạy tự động. Còi và đèn báo động sẽ bật lên.

- Quá trình hút clo và trung hòa NaOH diễn ra liên tục cho đến khi hàm lượng clo rò rỉ trong không khí (trong nhà clo) xuống mức thấp nhất, thông thường từ 0.0 - 0.1 ppm.

- Quá trình hút clo và trung hòa NaOH diễn ra liên tục cho đến khi hàm lượng clo rò rỉ

trong không khí (trong nhà clo) xuống mức thấp nhất, thông thường từ 0.0 - 0.1 ppm.

- Khí clo được hút sạch, sensor báo clo rò rỉ sẽ ghi nhận tín hiệu và bơm NaOH, quạt hút clo sẽ tự động tắt.

* Kế hoạch bảo trì: Định kì cuối năm Tổ cơ điện có kế hoạch kiểm tra bảo dưỡng: quạt hút không khí, máy bơm nước và thay NaOH 20%. Vận hành bảo dưỡng 15 phút và bàn giao lại cho nhà máy.

* Quy trình vận chuyển hoá chất an toàn

Những người có liên quan đến việc vận chuyển hóa chất cần phải tuân thủ một số quy định về an toàn trong vận chuyển như sau:

- Trước khi tiếp nhận hóa chất, nhân viên phải kiểm tra lại bao bì, nhãn hiệu;

- Phải biết rõ tính chất hóa lý của hóa chất, biện pháp đề phòng và cách giải quyết các sự cố cháy, nổ, tỏa hơi khí độc. Nhân viên vận chuyển phải mang theo đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân;

- Tất cả cá thiết bị dùng để vận chuyển hóa chất không được hư hỏng hay bị rò rỉ;

- Phải vận chuyển hóa chất cùng với các tài liệu cung cấp thông tin về hóa chất như nhãn, bản dữ liệu an toàn,...;

- Khi xảy ra sự cố phải báo ngay với cơ quan lao động, y tế, công an để có biện pháp giải quyết kịp thời;

- Nhân viên chịu trách nhiệm tiếp nhận, vận chuyển hóa chất phải: hướng dẫn cụ thể cho các thanh viên khác vị trí tiếp nhận, đặc điểm lộ trình, thời gian vận chuyển và nội qui giao hàng vào kho...

* Sơ cứu khi bị nhiễm hóa chất

Việc sơ cứu khi bị nhiễm độc hóa chất là điều tối thiểu cần thiết trong trường hợp xảy ra sự cố. Vì vậy, một số biện pháp sơ cứu cụ thể có thể tham khảo như sau:

- Trường hợp hít vào: Cần nhanh chóng đưa nạn nhân đến chỗ có không khí sạch, thực hiện hô hấp nhân tạo và gọi cho bác sĩ;

- Trường hợp tiếp xúc lên da nhanh chóng tháo bỏ quần áo và giày bị nhiễm, rửa bằng xà phòng và chất tẩy rửa với khối lượng nước lớn trong 15 - 20 phút và gọi bác sĩ ngay;

- Trường hợp bị rơi vào mắt: Rửa mắt ngay bằng nước sạch càng lâu càng tốt, liên tục rửa hai mí mắt khoảng 15 - 20 phút và gọi bác sĩ;

- Trường hợp bị nhiễm vào cơ thể: Chuyển đến bệnh viện gần nhất.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 17 /GPMT-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG: -

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC: -

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG): -

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Giấy phép môi trường là căn cứ để thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hoạt động bảo vệ môi trường.

2. Sau khi được cấp Giấy phép môi trường, chủ cơ sở phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đồng thời với quá trình vận hành thử nghiệm toàn bộ dự án để đánh giá phù hợp và đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chủ đầu tư phải tuân thủ yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Giấy phép môi trường và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện đồng bộ các biện pháp giảm thiểu bụi, mùi, khí thải phát sinh trong khuôn viên nhà máy và môi trường xung quanh; thực hiện các biện pháp bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt và vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đối với công trình.

4. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường đã cấp thì phải thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP sửa đổi bổ sung Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường./.

Số: 880/2022D/HĐKT/VX-CTN3CS

Bình Dương, ngày 26 tháng 8 năm 2022

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

V/v: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại

- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ký ngày 14/06/2005;
- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;
- Căn cứ vào Luật Bảo Vệ Môi Trường 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ký ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Môi Trường;
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại (CTNH) số 1-2-3-4-5-6.033.VX cấp ngày 18/11/2020 của Công ty TNHH Môi Trường Việt Xanh;
- Căn cứ vào nhu cầu và điều kiện của hai bên (Bên A và Bên B);

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ

Địa chỉ : Số 2A, Nguyễn Trãi, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

Điện thoại : 02923821710

Fax: 02923824092

Mã số thuế : 1800155244

Đại diện bởi : Ông NGUYỄN TÙNG NGUYỄN Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

BÊN B: CÔNG TY TNHH SX - TM - DV MÔI TRƯỜNG VIỆT XANH

Địa chỉ : Lô N1, Đường N8, KCN Nam Tân Uyên, P. Khánh Bình, TX. Tân Uyên, T. Bình Dương.

Điện thoại : 0274.3653076 (~77)

Fax: 0274.3653075

Mã số thuế : 3700 671 231

Tài khoản : 0281 001 385 284 tại ngân hàng Vietcombank, CN Bình Dương

Đại diện : Ông TRẦN THANH HÀ Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng thu gom vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (CTNH), với nội dung sau:

ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG

1.1 Bên A đồng ý chọn và Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH, phát sinh sau quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên A.

- Địa chỉ thu gom CTNH:

+ CS1: Nhà máy nước Cần Thơ 1. Số 298, đường 30.4, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, TPCT

- + CS2: Nhà máy nước Hưng Phú. Khu vực Thạnh Hòa, phường Phú Thù, quận Cái Răng, TPCT.
- + CS3: Nhà máy nước Bông Vang. Số 17, ấp Mỹ Phước, xã Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, TPCT.
- Tần suất thu gom: 01 lần/năm. Khi có nhu cầu thu gom Bên A thông báo cho Bên B trước 01 ngày để Bên B chuẩn bị.
- Tình trạng lưu chứa: CTNH được lưu chứa trong bao bì chuyên dụng, Bao bì chứa chất thải sẽ được xử lý tiêu hủy cùng CTNH.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

2.1 Trách nhiệm của Bên A

- CTNH phát sinh từ quá trình hoạt động sản xuất của Bên A phải được thu gom tập trung, phân loại, dán nhãn cảnh báo CTNH và lưu chứa an toàn trong kho chứa bên A, chờ tiến hành bàn giao cho Bên B thu gom, xử lý.
- Bên A thông báo thu gom CTNH trước 03 ngày để Bên B chuẩn bị phương tiện và nhân lực. Trường hợp đột xuất hay sự cố, Bên A cần thực hiện thu gom xử lý CTNH thì phải báo trước cho Bên B một ngày (24h).
- Khi có phát sinh chất thải ngoài danh mục (căn cứ sổ chủ nguồn thải CTNH của Bên A), chất thải dễ cháy nổ, hóa chất rất độc, bên A phải cảnh báo cho Bên B biết trước 01 ngày (24h) khi đăng ký xe thu gom để Các Bên thống nhất phương án thu gom, vận chuyển và xử lý kịp thời theo quy định pháp luật.
- Bên A tạo điều kiện thuận lợi cho bên B như cử nhân viên hướng dẫn, đóng gói sẵn chất thải, hỗ trợ xe nâng nếu trọng lượng chất thải quá nặng hoặc công kênh mà công nhân không thể khuân vác bằng tay.
- Cung cấp giấy tờ cần thiết khi ra vào cổng nhà máy. Thực hiện kê khai số lượng CTNH và sử dụng mẫu chứng từ CTNH theo quy định.
- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của chủ nguồn thải CTNH theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn giá trị hợp đồng tại Điều 3 và Điều 4 của hợp đồng.

2.2 Trách nhiệm của Bên B

- Bên B cung cấp nhân lực, phương tiện thu gom vận chuyển và trang bị đầy đủ bảo hộ lao động khi đến thu gom chất thải tại nhà máy bên A.
- Tuân thủ quy định về quản lý chất thải nguy hại, đảm bảo yêu cầu pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường, về phòng cháy chữa cháy trong quá trình thu gom, vận chuyển bảo quản và xử lý CTNH.
- Bên B có trách nhiệm làm thủ tục xuất trình giấy tờ cần thiết khi ra vào nhà máy của bên A và khu công nghiệp.
- Hoàn trả chứng từ CTNH ngay sau khi bên B hoàn tất xử lý CTNH.
- Phát hành hóa đơn tài chính về chi phí dịch vụ xử lý CTNH cho bên A.
- Sau khi chất thải của bên A giao cho bên B, nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra, (thất thoát, làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường) trong quá trình vận chuyển, lưu giữ và xử lý thì bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.

ĐIỀU 3: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG - THANH TOÁN

3.1 Số lượng được xác định tại kho Bên A hoặc kho Bên B. Đại diện mỗi bên có đủ thẩm quyền ký xác nhận số lượng thực tế trên biên bản giao nhận đã được hai bên thống nhất theo mẫu.

STT	Diễn giải	Mã CTNH	Đơn vị tính	Đơn giá xử lý
I	Dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại bao gồm :			
	1. Giẻ lau thải nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Khoán năm ($\leq 200\text{Kg}/3$ cơ sở)	16.000.000 đồng/năm/3 cơ sở (Mười sáu triệu đồng trên năm)
	2. Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06		
	3. Các chất thải trong PTN có chứa thành phần nguy hại.	13 01 02		

Đơn giá xử lý nêu trên chưa bao gồm thuế GTGT.

Ghi chú: Trường hợp số lượng CTNH vượt mức khoán 200Kg/1năm/3 cơ sở, giá trị hợp đồng (GTHĐ) thực tế được tính như sau: $GTHĐ = 16.000.000\text{đồng} + (\text{Số lượng thực tế} - 200\text{Kg}) * 20.000\text{đồng/Kg}$.

1.2 Phương thức thanh toán:

- Bên A thanh toán cho Bên B 100% giá trị khoán năm nêu trên bao gồm thuế GTGT bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản tiền Việt Nam Đồng sau khi hoàn tất việc thu gom.
- Thời hạn thanh toán: Trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được hồ sơ thanh toán, giấy đề nghị thanh toán và hóa đơn tài chính hợp lệ.

ĐIỀU 4: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- 4.1** Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày **26/08/2023** và hợp đồng tự thanh lý sau khi hai bên đã hoàn thành trách nhiệm của mình.
- 4.2** Nếu tại thời điểm hợp đồng hết hạn, hai Bên có tranh chấp chưa giải quyết được, hợp đồng được coi như vẫn tiếp tục có hiệu lực để các Bên tham chiếu thực hiện. Khi tranh chấp được giải quyết xong, hợp đồng hết hiệu lực. Trong trường hợp hai bên vẫn tiếp tục hợp tác, hợp đồng sẽ được tiếp tục gia hạn hoặc ký kết hợp đồng mới.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 5.1** Hai Bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ký, nếu có gì khó khăn hoặc phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, Hai Bên cùng thỏa thuận để giải quyết. Bất kỳ sự thay đổi, hiệu chỉnh hay bổ sung nào cho hợp đồng này đều phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Hai Bên.
- 5.2** Những gì không qui định trong nội dung các điều khoản của hợp đồng này, Hai Bên sẽ tuân thủ theo những quy định của pháp luật nước CHXHCN Việt Nam. Mọi tranh chấp phát sinh liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng này sẽ

được Hai Bên giải quyết thông qua thương lượng trên nguyên tắc hợp tác và tôn trọng lẫn nhau. Các tranh chấp Hai Bên không tự giải quyết sẽ được trình lên tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo luật định. Phán quyết của tòa án là kết quả cuối cùng bắt buộc Hai Bên thực hiện, án phí do Bên thua kiện chịu.

- 5.3 Một trong Hai Bên có quyền chấm dứt Hợp đồng này do bên kia vi phạm nghiêm trọng Hợp đồng làm ảnh hưởng đến việc thực hiện Hợp đồng này bằng cách gửi văn bản thông báo cho bên vi phạm nêu rõ tính chất, mức độ vi phạm và ngày chấm dứt có hiệu lực của Hợp đồng này.
- 5.4 Nếu tại thời điểm Hợp đồng hết hạn. Hai Bên có tranh chấp chưa giải quyết được, hợp đồng được coi như vẫn tiếp tục có hiệu lực để Hai Bên tham chiếu thực hiện. Khi tranh chấp được giải quyết xong, hợp đồng tự động hết hiệu lực.
- 5.5 Hợp đồng được lập thành bốn (04) bản chính, mỗi bên giữ hai (02) bản có giá trị pháp lý như nhau. /



ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tùng Nguyên



ĐẠI DIỆN BÊN B

Trần Thanh Hà



Bình Dương, Ngày 26 tháng 08 năm 2024

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG 02

(Hợp đồng kinh tế số 380/2022D/HĐKT/VX-CTN3CS ký ngày 26/08/2022)

Đại diện hai bên gồm có:

BÊN A: : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ

Địa chỉ : Số 2A, Nguyễn Trãi, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Điện thoại : 02923821710

Fax: 02923824092

Mã số thuế : 1800155244

Đại diện : (Ông) **NGUYỄN TÙNG NGUYỄN** Chức vụ: Tổng Giám đốc

BÊN B : CÔNG TY TNHH SX – TM – DV MÔI TRƯỜNG VIỆT XANH

Địa chỉ : Lô N1, Đường N8, KCN Nam Tân Uyên, P. Khánh Bình, TP. Tân Uyên, T. Bình Dương.

Điện thoại : 0274.3653076 (~77)

Fax: 0274.3653075

Mã số thuế : 3700 671 231

Tài khoản : 0281 001 385 284 tại ngân hàng Vietcombank, CN Bình Dương

Đại diện : (Ông) **TRẦN THANH HÀ** Chức vụ: Tổng Giám đốc

Sau khi thoả thuận, hai bên cùng thống nhất ký kết phụ lục hợp đồng với các nội dung sau:

1. Hai bên đồng ý ký gia hạn tiếp tục thời gian thực hiện hợp đồng số 380/2022D/HĐKT/VX-CTN3CS ký ngày 26/08/2022 có hiệu lực đến hết ngày **26 tháng 08 năm 2025**.
2. Phụ lục hợp đồng số 02 là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng số 380/2022D/HĐKT/VX-CTN3CS ký ngày 26/08/2022. Các điều khoản khác của hợp đồng vẫn còn giữ nguyên hiệu lực.
3. Phụ lục hợp đồng số 02 có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như hợp đồng chính đã ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tùng Nguyễn

ĐẠI DIỆN BÊN B



Trần Thanh Hà



BIÊN BẢN GIAO NHẬN

Số : 404608/2407/CTGNVX

Ngày 31/07/2024



1. Tên chủ nguồn thải: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ. Địa chỉ văn phòng: T. 152 G MẠI Địa chỉ cơ sở: Nhà máy nước Cần Thơ 1: Số 298, Đường 30/4, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.	Mã số QLCT : CTN ĐT :0292 3810 188 ĐT :0292 3810 188
2. Chủ CS DV XL CT : CÔNG TY TNHH SX-TM-DV MÔI TRƯỜNG VIỆT XANH Địa chỉ văn phòng: Lô N1, Đường N8, KCN Nam Tân Uyên, P.Khánh Bình, TP.Tân Uyên, Bình Dương. Địa chỉ cơ sở : Lô N1, Đường N8, KCN Nam Tân Uyên, P.Khánh Bình, TP.Tân Uyên, Bình Dương.	Mã số QLCT : 1-2-3-4-5-6.033.VX ĐT : 0274.3653.076 – 077 ĐT : 0274.3653.076 – 077

Phương tiện vận chuyển số : 54N/5459

3. Kê khai CTNH chuyển giao

STT	Tên chất thải / hàng hóa	Trạng thái	Mã chất thải	Đơn vị	Số lượng	Phương án
1	Giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	Kg	5	TĐ
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	Kg	4	PT, HR
3	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	Kg	1	PD

* Ghi lần lượt (ký hiệu) các phương pháp xử lý, tiêu hủy đối với từng CTNH: Thu hồi tái chế (TC); trung hòa (TH); Phân tách/chiết/loọc...(PT); Oxy hoá (OH); Kết tủa (KT); hoá rắn/ổn định hoá/thủy tinh hoá...(HR); Lò đốt chuyên dụng (TĐ); Sinh học (SH); Chôn lấp (CL); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

4. Xác nhận việc niêm phong phương tiện vận chuyển : SEAL Số 381-382 Chữ ký: [Signature]

5. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và chủng loại CNTH như kê khai ở mục 3

6. Xác nhận của đại diện chủ nguồn thải	7. Xác nhận của đại diện vận chuyển, xử lý

* Hướng dẫn tải chứng từ CTNH:
Vui lòng truy cập vào trang web <https://ctnh.mtvietxanh.com.vn> và nhập Số biên bản 404608/2407/CTGNVX để tải chứng từ CTNH

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C25TDD

Số (No.): 2992

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (date) 01 tháng (month) 12 năm (year) 2025

Đơn vị bán hàng (Issued): CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐỒ DUY

Mã số thuế (Tax code): 1801383236

Địa chỉ (Address): 359 Tỉnh lộ 923, ấp Mỹ Nhơn, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Điện thoại (Phone number): 02926.251 703

Số tài khoản (Account No.): 7370373386

Tại Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Hậu Giang

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ

Mã số thuế (Tax code): 1800155244

Địa chỉ (Address): 2A Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Mã đơn vị có quan hệ ngân sách (Budget relationship unit code):

Căn cước công dân (ID):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Số tài khoản (Account No.):

Ghi chú (Note):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí thu gom rác thải sinh hoạt quý 04/2025	Quý	1	277.778	277.778
Cộng tiền hàng (Total amount):					277.778
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT Amount):			22.222
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					300.000

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Ba trăm nghìn đồng

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Signature valid

Ký bởi CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐỒ DUY

Ký ngày 01/12/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109106

Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: <https://vinvoice.viettel.vn/utilities/invoice-search>. Mã số bí

mật: KTF64ORCG77TF8W. Mã của cơ quan thuế: 00AB0CEF963A0A4830BCB8201BEAB03E8D



Số: 2265/MT/0764/1225

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Ngày: 31/12/2025
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước thải sinh hoạt
Vị trí lấy mẫu: Sau hệ thống xử lý
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ
Địa chỉ: Số 2A, Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, TP. Cần Thơ (Nhà máy nước Cần Thơ 1)
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 01 lít x 2 chai)
3. Ngày nhận mẫu : 02/12/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa
5. Ngày thử nghiệm : Từ 02/12/2025 đến 29/12/2025
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CẦN THƠ
Số 08 đường Nguyễn Văn Cừ, KV8, phường An Bình, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Không
9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Hàm lượng Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL = 0,02)
2	(#) pH	-	SMEWW 4500-H ⁺ .B:2023	7,14 (tại 25,3°C)
3	Hàm lượng COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	16
4	Hàm lượng BOD ₅ (ở 20°C)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	8
5	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	21,00
6	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	KPH (MDL = 0,70)
7	Hàm lượng tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	6,12
8	Hàm lượng Photpho tổng (tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	KPH (MDL = 0,02)
9	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	< 1,8 ^(a)

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (#) Kết quả chỉ có giá trị tham khảo, kết quả có giá trị pháp lý khi được quan trắc hiện trường bởi tổ chức có giấy chứng nhận VIMCERTS; - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - ^(a) là giới hạn định lượng của phương pháp thử.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu Chuẩn Đo lường Chất Lượng Cần Thơ. This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



Số: 219/732/N/0625 **KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** Ngày trả: 17/6/2025

Khách hàng (Cơ quan): Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ

Địa chỉ: Số 2A Nguyễn Trãi, phường Tân An, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ

Ngày thu/nhận mẫu: 04/6/2025

Ngày thử nghiệm: 04/6/2025

Loại mẫu (ký hiệu): Nước thải (Nhà máy nước Cần Thơ 1 – Số lượng: 01
Nước thải sau xử lý 04/6/2025)

Tình trạng mẫu: Bình thường

Lưu mẫu: ☒ Không; ☐ Có, đến ngày:

Đo đạc hiện trường: Không

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả
1	pH (#)	-	TCVN 6492:2011	7,07
2	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	5
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	10,4
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	16
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	KPH (MDL=0,16)
6	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	1,6
7	Tổng Phốtpho	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2017	0,06
8	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ .B&D:2017	KPH (MDL=0,02)
9	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	4,6x10 ¹

Ghi chú: thực hiện theo Giấy chứng nhận số 28/GCN-BTNMT ngày 29/8/2022 (mã số VIMCERTS 131).
(#) kết quả có giá trị tham khảo; “KPH”: không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện.

**TRƯỞNG PHÒNG QUAN TRẮC VÀ
THỬ NGHIỆM MÔI TRƯỜNG**

Nguyễn Khánh Luân

GIÁM ĐỐC



Đoàn Thanh Tâm

1. Tên mẫu, ký hiệu mẫu ghi theo yêu cầu của khách hàng; 2. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử, không lưu mẫu; 3. Khi khách hàng có yêu cầu lưu, Trung tâm sẽ lưu theo các điều kiện thích hợp với tính chất của mẫu và thông thường mẫu được lưu 5 (năm) ngày tính từ ngày Trung tâm ký ban hành Phiếu QOTN.



Số: 2262/MT/0764/1225

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Ngày: 31/12/2025
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước thải (1)
Vị trí lấy mẫu: Nước mặt sông Cần Thơ
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ
Địa chỉ: Số 2A Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, TP. Cần Thơ (Nhà máy nước Cần Thơ 1).
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 02 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 02/12/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa
5. Ngày thử nghiệm : Từ 02/12/2025 đến 29/12/2025
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CẦN THƠ**
Số 08 đường Nguyễn Văn Cừ, KV8, phường An Bình, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Không
9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Hàm lượng Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL = 0,02)
2	(#) pH	-	SMEWW 4500-H ⁺ .B:2023	7,74 (tại 25,3°C)
3	Hàm lượng COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	15
4	Hàm lượng BOD ₅ (ở 20°C)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	7
5	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	23,00
6	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	KPH (MDL = 0,70)
7	Hàm lượng tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	6,72
8	Hàm lượng Photpho tổng (tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	KPH (MDL = 0,02)
9	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	< 1,8 ^(a)

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (#) Kết quả chỉ có giá trị tham khảo, kết quả có giá trị pháp lý khi được quan trắc hiện trường bởi tổ chức có giấy chứng nhận VIMCERTS; - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - ^(a) là giới hạn định lượng của phương pháp thử.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

K.T. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only. 2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.